

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2025
V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đồ
- Ông Võ Đức Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thái Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14/01/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị Hồng N**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Hoài T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt. Ông T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Năm 2012, bà và ông Trần Hoài T cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An ngày 09/7/2012. Sau khi kết hôn, bà chuyển về sống bên nhà gia đình chồng tại ấp D, xã M. Thời gian đầu, vợ chồng bà có cuộc sống tương đối êm đềm, được ít lâu thì giữa bà và ông T xuất hiện nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm lối sống, thường xuyên cãi nhau về việc quản lý, chi tiêu tiền bạc trong nhà. Dù cùng chung sống đã 12 năm nhưng ông

T không thật lòng mà thường xuyên lừa dối bà nhiều lần liên quan đến vấn đề tiền bạc, sử dụng mà không hỏi ý kiến khiến bà rất buồn lòng và dần mất niềm tin. Những lúc bình tâm, bà có thẳng thắn nói chuyện và khuyên nhủ ông T sửa đổi nhưng không có kết quả, làm tình cảm vợ chồng rạn nứt. Thời gian qua, bà đã cố gắng chịu đựng vì nghĩ con còn nhỏ và chờ đợi sự sửa đổi của ông T. Nay nhận thấy tình cảm giữa bà với ông T không thể hàn gắn được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và để trả lại sự tự do cho nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Trần Phan Yến V, sinh ngày 03/6/2013. Sau khi ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nếu trường hợp con muốn sống với ông T thì bà cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Hoài T trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông không đồng ý ly hôn với bà N vì muốn con có đầy đủ cha mẹ. Hiện nay, con chung Trần Phan Yến V, sinh ngày 03/6/2013 đang ở với ông. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Ông đi làm công nhân, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về nợ chung, Về Tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Phan Thị Hồng N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoài T. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Hoài T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để xét xử, nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, bà N và ông T là vợ chồng hợp pháp. Nay bà N kiên quyết xin ly hôn với ông T vì không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân này. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng cho đến nay ông không có giải pháp hàn gắn hôn nhân, không làm cho bà N thay đổi ý định ly hôn. Hai người đã sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay cho thấy mục đích trong hôn nhân giữa hai bên là không đạt được, mâu thuẫn trong hôn nhân là trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà N có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, bà N và ông T đều có yêu cầu được nuôi con chung. Nay bà N đồng ý giao 01 con chung tên Trần Phan Yến V, sinh ngày 03/6/2013 cho ông T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Yến V có bản tự khai thể hiện mong muốn được sống chung và hiện nay đang sống với ông T. Do đó, cần giao cháu Yến V cho ông T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà N được quyền đến thăm, chăm sóc người con, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung và tài sản chung: Bà N, ông T xác định không có nợ chung, tài sản chung. Cho đến khi xét xử sơ thẩm, không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của bà N và ông T nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng N về việc “Ly hôn, nuôi con chung” đối với ông Trần Hoài T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hồng N được ly hôn với ông Trần Hoài T.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung tên Trần Phan Yến V, sinh ngày 03/6/2013 cho ông Trần Hoài T nuôi dưỡng. Bà Phan Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà Phan Thị Hồng N, được quyền đến thăm, chăm sóc người con, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà Phan Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009325, ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Phan Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Hoài T không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm, bà Phan Thị Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Hoài T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng